HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ TÂN HƯNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /NQ - HĐND	*Tân Hưng, ngày 27 tháng 3 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn quyết toán Ngân sách xã năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN HƯNG
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 về ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đại phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết: số 12/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của HĐND xã về phân bổ ngân sách xã năm 2025; số 13/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 về kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Báo cáo thuyết minh số 193/BC-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã về Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 01/BC-BKTNS ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu HĐND xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

Đơn vị: đồng

A.	**Thu ngân sách nhà nước:**	
I.	**Tổng thu ngân sách nhà nước:**	**302.860.715.762**
1.	Thu NSNN trên địa bàn:	72.548.531.327
2.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	212.759.476.739
3.	Thu kết dư ngân sách năm trước:	6.823.519.683
4.	Thu chuyển nguồn:	10.729.188.613
II.	**Thu phân cấp ngân sách xã được hưởng:**	**267.734.604.252**
1.	Thuế cơ sở 1 thu trên địa bàn:	10.564.916.061

2.	Cục thuế tỉnh thu trên địa bàn:	26.857.503.756
3.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	212.759.476.739
4.	Thu kết dư ngân sách năm trước:	6.823.519.083
5.	Thu chuyển nguồn:	10.729.188.613
B.	**Tổng chi ngân sách xã:**	**261.933.838.332**
1.	Chi đầu tư phát triển:	79.854.297.538
2.	Chi thường xuyên:	161.278.564.028
3.	Chi nộp ngân sách cấp trên:	171.590.311
4.	Chi chuyển nguồn sang năm 2026:	20.629.386.455
C.	**Kết dư ngân sách:**	**5.800.765.920**

D. Xử lý kết dư như sau :

Kết dư ngân sách: 5.800.765.920đồng được đưa toàn bộ vào thu ngân sách năm 2026 và được theo dõi trong kết dư, bao gồm:

- Tiền sử dụng đất: 4.842.778.299đồng.

- 30% tăng thu năm 2025 *(Sau khi trừ 70% nguồn làm lương đã được chuyển nguồn sang năm 2026):* 957.987.621 đồng

(Có các biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Tân Hưng khoá XXI, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ xã;
-Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- UBMTTQ VN và các phòng, ban, đơn vị của xã;
- Cổng thông tin điện tử xã Tân Hưng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Vũ Văn Thắng

Biểu mẫu số 49 - NĐ 31

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-HĐND ngày 27 /3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	QUYẾT TOÁN NĂM	SO SÁNH QT/DT
A	B	*1*	*2*	*3*
I	**Nguồn thu ngân sách cấp xã**	**71.186**	**267.734**	**376,11**
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	32.187	37.422	116,27
	- Thu thuế, lệ phí, phí và các khoản thu khác	*32.187*	*37.422*	116,27
	- Thu viện trợ			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	38.999	212.759	545,55
	- Thu bổ sung cân đối	31.899	31.899	100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	7.100	180.860	2.547,32
3	Thu kết dư		6.824	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		10.729	
II	**Chi ngân sách cấp xã**	**71.186**	**261.934**	**367,96**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách xã	71.186	241.133	338,74
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau		20.629	
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		172	
III	**Kết dư ngân sách xã**		**5.801**	

Biểu mẫu số 50 - NĐ 31

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-HĐND ngày 27 /3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D+E)	**110.302**	**32.186**	**90.101**	**54.975**	**81,69**	**170,80**
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**110.302**	**32.186**	**72.549**	**37.422**	**65,77**	**116,27**
I	**Thu nội địa**	**110.302**	**32.186**	**72.549**	**37.422**	**65,77**	**116,27**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)			(10)	-		
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	876	350	13.878	1.637	1.584,25	467,11
2.1	*Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước, thu nhập doanh nghiệp*	*876*	*350*	*13.876*	*1.635*	*1.584,06*	*466,62*
2.2	*Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước*	-					
2.3	*Thuế tài nguyên*			*2*	*2*		
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.634	700	5.563	2.080	340,55	297,13
4	Lệ phí trước bạ	885	443	5.906	635	667,40	143,45
5	Thu phí, lệ phí	75	75	137	104	183,22	138,19
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	490	416	618	496	126,16	119,14
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	470	94	293	59	62,38	62,38
8	Thu tiền sử dụng đất	105.547	29.783	44.579	31.473	42,24	105,68
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	258	258	227	227	88,27	88,27
10	Thu khác ngân sách	68	68	1.356	712	1.993,92	1.047,68
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**						
IV	**Thu viện trợ**						
B	**THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**						
C	**THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC**			**6.824**	**6.824**		
D	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**			**10.729**	**10.729**		
E	**CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP**						
F	**CÁC KHOẢN HOÀN TRẢ GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH**						

Biểu mẫu số 52 - NĐ 31

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-HĐND ngày 27/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tương đối	Tuyệt đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**71.186**	**261.934**	**199.297**	**368,0**
A	**CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC**	**71.186**	**241.133**	**178.496**	**338,7**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**29.783**	**79.854**	**50.072**	**268,1**
-	SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.700	8.949	1.249	116,2
-	SN Y tế	266	266	0	100,0
-	SN Văn hóa - Thông tin	3.000	5.305	2.305	176,8
-	SN Kinh tế	18.288	64.755	46.467	354,1
-	Chi quản lý hành chính,Đảng,Đoàn thể	279	279	0	100,0
-	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật	250	300	50	120,0
II	**Chi thường xuyên**	**32.854**	**161.279**	**128.425**	**1.910.779**
-	Quốc phòng	1.176	1.385	209	117,8
-	An ninh	1.552	1.698	146	109,4
-	SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4	73.039	73.035	1.902.048,2
-	SN Y tế, Chi dân số KH hoá gia đình	315	10.693	10.378	3.397,6
-	Sự nghiệp khoa học - công nghệ			0	
-	SN Văn hóa - Thông tin	2.342	3.168	826	135,3
-	SN Đảm bảo xã hội	1.046	12.153	11.108	1.162,4
-	SN Kinh tế	407	8.328	7.922	2.047,7
-	Sự nghiệp môi trường	145	2.071	1.925	1.425,5
-	Chi quản lý hành chính,Đảng,Đoàn thể	25.844	48.708	22.865	188,5
-	Chi khác ngân sách	24	35	11	146,5
III	**Dự phòng ngân sách**	**1.449**	**0**		
V	**Hỗ trợ nguồn thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa**	**7.100**	**0**		
B	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**0**	**172**	**172**	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	**0**	**20.629**	**20.629**	

Biểu mẫu số 53 - NĐ 31

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-HĐND ngày 27 /3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	SO SÁNH (%)
A	B	1=2+3	4=5+6	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	**64.086**	**261.934**	**408,72**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ**	**64.086**	**241.133**	**376,27**
I	**Chi đầu tư phát triển:**	**29.783**	**79.854**	**268,12**
	Trong đó			
	- Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	7.700	8.949	116,23
	- Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	29.783	26.636	89,43
	- Chi đầu tư từ nguồn XDCB tập trung			
II	**Chi thường xuyên**	**32.854**	**161.279**	**490,89**
	Trong đó			
	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	4	73.039	
III	**Chi dự phòng**	**1.449**		
C	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**		**172**	
D	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**20.629**	

Biểu mẫu số 55 - NĐ 31

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
								Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=2/1
	TỔNG SỐ	**29.783**	**79.854**	**8.949**	**266**	**5.305**	**64.755**	**62.187**	**-**	**279**	**300**	**268**
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã	29.783	79.854	8.949	266	5.305	64.755	62.187	-	279	300	268